

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI**

Số: 1516 /BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đàm Dơi, ngày 27 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO

Phục vụ Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về việc điều hành ngân sách địa phương; quản lý, sử dụng các nguồn vốn sự nghiệp; việc mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện Đàm Dơi

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau

Thực hiện Quyết định số 18/QĐ-HĐND ngày 13/9/2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau thành lập Đoàn giám sát về việc điều hành ngân sách địa phương; quản lý, sử dụng các nguồn vốn sự nghiệp; việc mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 14/KH-ĐGS ngày 14/9/2021 của Đoàn Giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau giám sát về việc điều hành ngân sách địa phương; quản lý, sử dụng các nguồn vốn sự nghiệp; việc mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

Qua rà soát, Ủy ban nhân dân huyện Đàm Dơi báo cáo việc điều hành ngân sách địa phương; quản lý, sử dụng các nguồn vốn sự nghiệp; việc mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện từ năm 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021, cụ thể như sau:

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết về ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau

- Thực hiện Nghị quyết về ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau, thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 và được phép kéo dài sang năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện Đàm Dơi đã chỉ đạo và triển khai cho các ngành, đơn vị thực hiện theo Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia cho các cấp ngân sách tỉnh Cà Mau thời kỳ ổn định 2017 - 2020; Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2017.

- Hàng năm, trên cơ sở Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Ủy ban nhân dân huyện Đàm Dơi chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện phối hợp Chi Cục thuế Khu vực II, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thảo luận dự toán thu, dự kiến phân bổ dự toán chi theo lĩnh vực thông qua Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, Lãnh đạo các ngành, đơn vị, trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, Quyết nghị đúng theo phân cấp, nội dung và thời gian quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2. Kết quả thực hiện điều hành ngân sách địa phương; quản lý, sử dụng các nguồn vốn sự nghiệp; việc mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện Đầm Dơi từ năm 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021

2.1. Về quản lý, điều hành ngân sách Nhà nước: Nhìn chung, công tác thu, chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn huyện được cấp ủy, chính quyền quan tâm chỉ đạo chặt chẽ; kết quả thu ngân sách Nhà nước các năm 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021 đều đạt và vượt so dự toán tình giao; dự toán chi ngân sách địa phương năm 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021 điều hành bảo đảm theo dự toán được giao; có một số lĩnh vực chi đạt và vượt so dự toán; nguyên nhân vượt là do tình bổ sung có mục tiêu và nguồn năm trước chuyển sang (*kèm theo Phụ lục số 01, 02*).

2.2. Về quản lý, sử dụng các nguồn vốn sự nghiệp

- Từ năm 2019, 2020 và 6 tháng năm 2021, huyện Đầm Dơi được Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm bổ sung các nguồn kinh phí sự nghiệp như: Duy tu, sửa chữa công trình giao thông; sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; kiến thiết thị chính (*cây xanh đô thị*); sự nghiệp kinh tế thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ; quỹ bảo trì đường bộ,... Trên cơ sở Quyết định giao kinh phí, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các ngành có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện phân khai danh mục, kế hoạch vốn giao cho các ngành, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn làm Chủ đầu tư tổ chức triển khai thực hiện theo quy định. Định kỳ hàng tháng các Chủ đầu tư báo cáo khối lượng thực hiện, tiến độ giải ngân; đề xuất khó khăn để kịp thời chỉ đạo giải quyết; đa số các ngành, đơn vị quản lý, sử dụng nguồn vốn sự nghiệp đúng mục đích, hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Công tác thanh - quyết toán đối với các công trình có sử dụng nguồn vốn sự nghiệp được các ngành, đơn vị quan tâm thực hiện khi công trình hoàn thành theo quy định; các ngành, đơn vị không có khó khăn và đề xuất (*kèm theo Phụ lục số 01, 02*).

2.3. Về mua sắm tài sản phục vụ hoạt động cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập

- Công tác mua sắm tài sản phục vụ hoạt động cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện thường xuyên; hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các ngành, đơn vị rà soát nhu cầu, đăng ký kế hoạch mua sắm tài sản theo phương thức tập trung gửi đến Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tổng hợp trình cấp thẩm quyền phê duyệt, báo cáo Sở Tài chính tỉnh Cà Mau phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thực hiện theo quy định. Ngoài kế hoạch mua sắm tài sản theo phương thức tập trung, Thủ trưởng các ngành, đơn vị chịu trách nhiệm mua sắm trang bị tài sản phục vụ hoạt động đúng theo định mức quy định từ nguồn kinh phí được giao đầu năm, nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị.

- Trong năm 2019, các ngành, đơn vị thực hiện mua sắm tài sản để phục vụ hoạt động cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập là 4,786 tỷ đồng, từ nguồn kinh phí được giao đầu năm và ngân sách bổ sung trong năm (*trong đó, mua sắm tập trung 1,826 tỷ đồng*).

- Trong năm 2020, các ngành, đơn vị thực hiện mua sắm tài sản để phục vụ hoạt động cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập là 5,428 tỷ đồng, từ

nguồn kinh phí được giao đầu năm, bổ sung trong năm và nguồn thu sự nghiệp của đơn vị (*trong đó, mua sắm tập trung 365 triệu đồng*).

- 6 tháng năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt dự toán mua sắm tập trung cho các ngành, đơn vị là 530 triệu đồng; kết quả phê duyệt lựa chọn nhà thầu và thực hiện mua sắm là 478 triệu đồng; từ nguồn kinh phí được giao đầu năm, bổ sung trong năm và nguồn thu sự nghiệp của đơn vị (*kèm theo Phụ lục số 01, 02, 03*).

3. Nhận xét, đánh giá chung

Nhìn chung, tình hình kinh tế - xã hội của huyện thời gian qua có bước phát triển; kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư xây dựng; các nguồn vốn đầu tư, vốn sự nghiệp được tinh quan tâm hỗ trợ góp phần tháo gỡ khó khăn cho ngân sách huyện; việc mua sắm tài sản theo hình thức tập trung giúp đơn vị giảm bớt thủ tục hành chính, thời gian và tiết kiệm ngân sách; các cơ quan Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập được trang bị phương tiện làm việc đầy đủ, kịp thời; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính phát huy hiệu quả, nhất là sử dụng công nghệ làm việc tại nhà trong tình hình dịch bệnh COVID-19.

Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp; công tác thu ngân sách gặp khó khăn do các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh phải ngưng, nghỉ hoạt động để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh làm ảnh hưởng đến nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách huyện; nhiều công trình xây dựng, sửa chữa phải dừng thi công làm ảnh hưởng đến khối lượng thực hiện và tiến độ giải ngân chưa đạt tỷ lệ theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; một số đơn vị được phê duyệt dự toán mua sắm tài sản theo phương thức mua sắm tập trung, mua sắm trực tiếp phải tạm dừng thực hiện do đơn vị cung cấp chậm bàn giao tài sản cho đơn vị sử dụng.

4. Đề xuất, kiến nghị

- Về quản lý, điều hành ngân sách: Đề xuất tỉnh xem xét, sớm ban hành Nghị quyết về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu cho các cấp ngân sách thời kỳ ổn định; định mức chi thường xuyên ngân sách tỉnh Cà Mau, từ năm ngân sách 2022.

- Đối với các nguồn vốn sự nghiệp: Trước năm Kế hoạch có thông báo dự kiến phân bổ số chi sự nghiệp năm kế hoạch cho các huyện, thành phố để huyện chủ động đăng ký danh mục Kế hoạch vốn, lập các hồ sơ, thủ tục trình phê duyệt; khi có quyết định giao dự toán của cấp có thẩm quyền thì tổ chức triển khai thực hiện kịp thời trong năm.

- Đối với mua sắm tài sản theo hình thức mua sắm tập trung: Kiến nghị Sở Tài chính tỉnh Cà Mau hướng dẫn và giảm bớt thủ tục mua sắm tài sản theo hình thức tập trung (*đơn vị sử dụng sau khi rà soát nhu cầu; đối tượng, định mức được trang bị tài sản; cấu hình, thông số kỹ thuật tài sản, giá tham khảo chung do Sở Tài chính tỉnh đưa ra thì đăng ký số lượng, không bắt buộc đơn vị sử dụng phải lấy báo giá và thuê thẩm định giá làm cơ sở phê duyệt dự toán*). Trường hợp đơn vị sử dụng có yêu cầu về cấu hình, thông số kỹ thuật khác hơn theo chuyên môn, lĩnh vực của ngành thì lấy báo giá hoặc thuê thẩm định giá để làm cơ sở phê duyệt dự toán theo quy định. Ngoài ra, có quy định riêng, tính chất đặc thù về mua sắm máy vi tính,

thiết bị phục vụ chuyên ngành không áp dụng hình thức mua sắm tập trung (theo chuyên môn riêng của ngành cần trang bị máy tính, thiết bị đồng bộ có cấu hình, định mức, thông số kỹ thuật riêng, phục vụ chung cho toàn thể đơn vị; không xác định được thời điểm mua sắm hoặc khi gặp sự cố xảy ra).

Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau (gửi kèm Phụ lục có liên quan)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT. UBND huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng TC-KH huyện;
- Lưu: VT, (C/v Triệu).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Anh Chót



TỔNG HỢP THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN

theo Báo cáo số: 13/16 /BC-UBND ngày 27 /9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đam Dơi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên nguồn thu	Năm 2019			Năm 2020			Năm 2021		
		Dự toán	Quyết toán	So sánh TH/DT (%)	Dự toán	Quyết toán	So sánh TH/DT (%)	Dự toán	Thực hiện 30/6/2021	So sánh TH/DT (%)
A	TỔNG THU	72.000	86.703	120,42	79.500	96.630	121,55	79.600	49.305	61,94
01	Thuế CTN-DV-NQD	21.000	23.852	113,58	21.500	26.745	124,39	24.000	12.477	51,99
	TD: - Thuế GTGT	17.540	19.496	111,15	17.573	22.244	126,58	20.020	9.876	49,33
	- Thuế TNDN	3.200	3.285	102,66	3.707	3.938	106,24	3.900	2.847	73,00
02	Thuế Thu nhập cá nhân	10.300	10.799	104,84	10.000	11.266	112,66	11.000	5.765	52,41
03	Thu tiền sử dụng đất	12.000	20.230	168,59	14.000	26.952	192,52	12.200	13.506	110,70
04	Lệ phí trước bạ	9.500	14.446	152,06	13.600	15.277	112,33	15.600	7.941	50,90
05	Thuế SDD phi nông nghiệp	156	169	108,23	100	122	122,42	100	41	41,00
06	Phí và lệ phí	5.986	5.465	91,29	7.000	4.609	65,84	6.200	4.440	71,61
07	Thu khác ngân sách	13.058	11.742	89,92	13.300	11.658	87,66	10.500	5.135	48,90
	TD: - Phạt ATGT	3.000	3.442	114,73	4.100	4.626	112,84	4.000	2.411	60,28



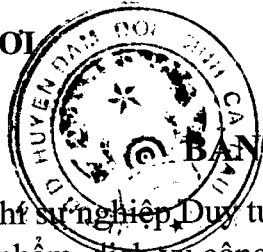
Phụ lục số 02

TỔNG HỢP CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Kèm theo Báo cáo số: 13/LC /BC-UBND ngày 27/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên nguồn thu	Năm 2019			Năm 2020			Năm 2021		
		Dự toán	Quyết toán	So sánh TH/DT (%)	Dự toán	Quyết toán	So sánh TH/DT (%)	Dự toán	Thực hiện 30/6/2021	So sánh TH/DT (%)
	TỔNG CHI	535.505	678.766	126,75	541.899	757.937	139,87	553.330	343.285	62,04
I	Chi đầu tư phát triển	34.651	54.907	158,46	44.293	65.952	148,90	38.473	46.192	120,06
	<i>TD: - Lĩnh vực GD-ĐT</i>	<i>5.324</i>	<i>17.723</i>	<i>332,89</i>	<i>18.373</i>	<i>24.638</i>	<i>134,10</i>	<i>5.797</i>	<i>15.357</i>	<i>264,91</i>
II	Chi thường xuyên	490.912	584.657	119,10	487.446	606.381	124,40	504.636	297.093	58,87
	<i>Trong đó</i>									
-	<i>Chi sự nghiệp GD-ĐT-DN</i>	<i>281.763</i>	<i>301.359</i>	<i>106,95</i>	<i>285.433</i>	<i>293.483</i>	<i>102,82</i>	<i>296.170</i>	<i>143.104</i>	<i>48,32</i>
-	<i>Chi sự nghiệp KHCN</i>	<i>700</i>	<i>443</i>	<i>63,29</i>	<i>700</i>	<i>559</i>	<i>79,86</i>	<i>700</i>	<i>341</i>	<i>48,71</i>
-	<i>Chi Đám bảo xã hội</i>	<i>24.838</i>	<i>36.742</i>	<i>147,93</i>	<i>23.253</i>	<i>74.228</i>	<i>319,22</i>	<i>23.253</i>	<i>26.030</i>	<i>111,94</i>
-	<i>Chi quản lý hành chính</i>	<i>124.173</i>	<i>133.047</i>	<i>107,15</i>	<i>112.670</i>	<i>134.787</i>	<i>119,63</i>	<i>114.896</i>	<i>68.954</i>	<i>60,01</i>
III	Dự phòng	9.942			10.160			10.221		



BẢNG TỔNG HỢP

Kết quả phân bổ kinh phí sự nghiệp, Duy tu, sửa chữa công trình giao thông; Kiến thiết thị chính (cây xanh đô thị); Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; sự nghiệp kinh tế thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ; quỹ bảo trì đường bộ (năm 2019, 2020 và 6 tháng năm 2021)

(Kèm theo Báo cáo số: 1316 /BC-UBND ngày 28 /9/2021 của UBND huyện Đam Droi)

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	Tên đơn vị	Kinh phí được giao			So với năm trước (%)	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó			
			Kinh phí phân bổ đầu năm	Kinh phí bổ sung trong năm		
A	Duy tu, sửa chữa công trình giao thông	35.406.003	34.500.000	0	906.003	
I	Năm 2019	11.500.000	11.500.000	0	0	
	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện	9.900.000	9.900.000			
	Thị trấn Đam Droi	100.000	100.000			
	Xã Nguyễn Huân	100.000	100.000			
	Xã Tân Dân	100.000	100.000			
	Xã Tân Duyệt	100.000	100.000			
	Xã Tạ An Khương Nam	100.000	100.000			
	Xã Tân Đức	100.000	100.000			
	Xã Tân Tiến	100.000	100.000			
	Xã Tân Thuận	100.000	100.000			
	Xã Quách Phẩm	100.000	100.000			
	Xã Quách Phẩm Bắc	100.000	100.000			
	Xã Thanh Tùng	100.000	100.000			
	Xã Tạ An Khương	100.000	100.000			
	Xã Ngọc Chánh	100.000	100.000			
	Xã Tạ An Khương Đông	100.000	100.000			
	Xã Tân Trung	100.000	100.000			
	Xã Trần Phán	100.000	100.000			
II	Năm 2020	11.895.528	11.500.000	0	395.528	
	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện	11.895.528	11.500.000		395.528	
III	Năm 2021 (6 tháng năm 2021)	12.010.475	11.500.000	0	510.475	
	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện	12.010.475	11.500.000		510.475	

TT	Tên đơn vị	Kinh phí được giao				So với năm trước (%)	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				
			Kinh phí phân bổ đầu năm	Kinh phí bổ sung trong năm	KP năm trước chuyển sang		
B	Kiến thiết thị chính (cây xanh đô thị)	6.343.194	5.300.000	0	1.043.194		
I	Năm 2019	2.300.000	2.300.000	0	0		
	Phòng Kinh tế - Hạ Tầng huyện	2.300.000	2.300.000				
II	Năm 2020	2.237.465	2.000.000	0	237.465		
	Phòng Kinh tế - Hạ Tầng huyện	2.237.465	2.000.000		237.465		
III	Năm 2021 (6 tháng năm 2021)	1.805.729	1.000.000	0	805.729		
	Phòng Kinh tế - Hạ Tầng huyện	1.805.729	1.000.000		805.729		
C	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	18.000.000	18.000.000	0	0		
I	Năm 2019	6.000.000	6.000.000	0	0		
	Phòng Nông nghiệp - PTNT huyện	6.000.000	6.000.000				
II	Năm 2020	6.000.000	6.000.000	0	0		
	Phòng Nông nghiệp - PTNT huyện	6.000.000	6.000.000				
III	Năm 2021 (6 tháng năm 2021)	6.000.000	6.000.000	0	0		
	Phòng Nông nghiệp - PTNT huyện	6.000.000	6.000.000				
D	Sự nghiệp kinh tế thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ	27.599.469	26.656.000	0	943.469		
I	Năm 2019						
II	Năm 2020	18.330.000	18.330.000	0	0		
	Phòng Kinh tế - Hạ Tầng huyện	18.330.000	18.330.000				
III	Năm 2021	9.269.469	8.326.000	0	943.469		
	Phòng Kinh tế - Hạ Tầng huyện	1.943.469	1.000.000		943.469		
	Phòng Nội vụ	2.126.000	2.126.000				
	BQL Dự án xây dựng huyện	3.500.000	3.500.000				
	Xã Tạ An Khương	1.700.000	1.700.000				
E	Quỹ bảo trì đường bộ	3.000.000	3.000.000	0	0		
I	Năm 2019						
II	Năm 2020						
III	Năm 2021	3.000.000	3.000.000	0	0		
	Phòng Kinh tế - Hạ Tầng huyện	1.300.000	1.300.000				
	Thị trấn Đàm Dơi	200.000	200.000				
	Xã Nguyễn Huân	100.000	100.000				
	Xã Tân Dân	100.000	100.000				
	Xã Tân Duyệt	100.000	100.000				

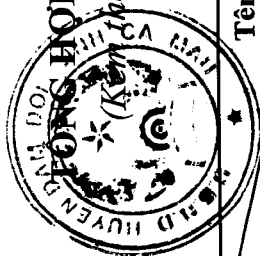
TT	Tên đơn vị	Kinh phí được giao			So với năm trước (%)	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó			
			Kinh phí phân bổ đầu năm	Kinh phí bổ sung trong năm		
	Xã Tạ An Khương Nam	100.000	100.000			
	Xã Tân Đức	100.000	100.000			
	Xã Tân Tiến	100.000	100.000			
	Xã Tân Thuận	100.000	100.000			
	Xã Quách Phẩm	100.000	100.000			
	Xã Quách Phẩm Bắc	100.000	100.000			
	Xã Thanh Tùng	100.000	100.000			
	Xã Tạ An Khương	100.000	100.000			
	Xã Ngọc Chánh	100.000	100.000			
	Xã Tạ An Khương Đông	100.000	100.000			
	Xã Tân Trung	100.000	100.000			
	Xã Trần Phán	100.000	100.000			

TT	Tên đơn vị	Kinh phí được giao	Kết quả thực hiện các khoản chi										Chênh lệch thu, chi	Ghi chú		
			Trong đó													
			Tổng số	Chi lĩnh vực nông, lâm nghiệp	Chi lĩnh vực thủy lợi	Chi lĩnh vực giao thông	Chi lĩnh vực TNMT	Chi lĩnh vực Quy hoạch	Chi lĩnh vực kiến thiết chính	Chi các hoạt động khác						
	Xã Thanh Tùng	100.000				100.000									0	
	Xã Tạ An Khương	100.000				100.000									0	
	Xã Ngọc Chánh	100.000				100.000									0	
	Xã Tạ An Khương Đông	100.000				100.000									0	
	Xã Tân Trung	100.000				100.000									0	
	Xã Trần Phán	100.000				100.000									0	
II	Năm 2020	11.500.000	0	0	10.989.525	0	10.989.525	0	0	0	0	0	0	0	510.475	
	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện	11.500.000			10.989.525		10.989.525								510.475	
III	Năm 2021 (6 tháng năm 2021)	11.500.000			9.761.446		9.761.446								1.738.554	
	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện	11.500.000			9.761.446		9.761.446								1.738.554	
B	Kiến tạo môi trường (cây xanh đô thị)	5.300.000	0	0	3.805.414	0	3.805.414	0	0	0	0	0	0	0	1.494.586	
I	Năm 2019	2.300.000	0	0	2.062.355	0	2.062.355	0	0	0	0	0	0	0	237.645	
	Phòng Kinh tế - Hạ Tầng huyện	2.300.000			2.062.355		2.062.355								237.645	
II	Năm 2020	2.000.000	0	0	1.743.059	0	1.743.059	0	0	0	0	0	0	0	256.941	
	Phòng Kinh tế - Hạ Tầng huyện	2.000.000			1.743.059		1.743.059								256.941	
III	Năm 2021 (6 tháng năm 2021)	1.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.000.000	
	Phòng Kinh tế - Hạ Tầng huyện	1.000.000			0		0								1.000.000	
C	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	18.000.000	0	0	16.634.000	0	16.634.000	0	0	0	0	0	0	0	1.366.000	
I	Năm 2019	6.000.000	0	0	6.000.000	0	6.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Phòng Nông nghiệp - PTNT huyện	6.000.000			6.000.000		6.000.000								0	
II	Năm 2020	6.000.000	0	0	6.000.000	0	6.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Phòng Nông nghiệp - PTNT huyện	6.000.000			6.000.000		6.000.000								0	
III	Năm 2021 (6 tháng năm 2021)	6.000.000	0	0	4.634.000	0	4.634.000	0	0	0	0	0	0	0	1.366.000	
	Phòng Nông nghiệp - PTNT huyện	6.000.000			4.634.000		4.634.000								1.366.000	

TT	Tên đơn vị	Kinh phí được giao	Kết quả thực hiện các khoản chi										Chênh lệch thu, chi	Ghi chú		
			Trong đó													
			Tổng số	Chi lĩnh vực nông, lâm nghiệp	Chi lĩnh vực thủy lợi	Chi lĩnh vực giao thông	Chi lĩnh vực TNMT	Chi lĩnh vực Quy hoạch	Chi lĩnh vực kiến thiết chính	Chi các hoạt động khác						
D	Sự nghiệp kinh tế thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ	26.656.000	0	0	17.028.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9.628.000	
I	Năm 2019															
II	Năm 2020	18.330.000	0	0	15.354.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.976.000	
	Phòng Kinh tế - Hạ Tầng huyện	18.330.000			15.354.000										2.976.000	
III	Năm 2021 (6 tháng năm 2021)	8.326.000	0	0	1.674.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6.652.000	
	Phòng Kinh tế - Hạ Tầng huyện	1.000.000			945.000										55.000	
	Phòng Nội vụ	2.126.000	0												2.126.000	
	BQL Dự án xây dựng huyện	3.500.000			729.000										2.771.000	
	Xã Tạ An Khương	1.700.000	0												1.700.000	
E	Quỹ bảo trì đường bộ	3.000.000	0	0	2.488.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	512.000	
I	Năm 2019															
II	Năm 2020															
III	Năm 2021 (6 tháng năm 2021)	3.000.000	0	0	2.488.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	512.000	
	Phòng Kinh tế - Hạ Tầng huyện	1.300.000			1.288.000										12.000	
	Thị trấn Đầm Dơi	200.000			200.000										0	
	Xã Nguyễn Huệ	100.000			100.000										0	
	Xã Tân Dân	100.000			100.000										0	
	Xã Tân Duyệt	100.000	0												100.000	
	Xã Tạ An Khương Nam	100.000	100.000		100.000										0	
	Xã Tân Đức	100.000	0												100.000	
	Xã Tân Tiến	100.000	0												0	
	Xã Tân Thuận	100.000	100.000		100.000										0	
	Xã Quách Phẩm	100.000	100.000		100.000										0	
	Xã Quách Phẩm Bắc	100.000	0												100.000	
	Xã Thanh Tùng	100.000	100.000		100.000										0	
	Xã Tạ An Khương	100.000	0												100.000	

HỢP DỰ TOÁN MUA SẴM TÀI SẢN THEO PHƯƠNG THỨC TẬP TRUNG NĂM 2019

theo Báo cáo số: 13/6 /BC-UBND ngày 27 /9/2021 của UBND huyện Đầm Dơi



STT	Tên đơn vị	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Dự toán (đồng)	Nguồn KP mua sắm	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	CÁC NGÀNH HUYỆN VÀ XÃ				509.840.000			456.723.000	
I	Máy photocopy		Cái	2	97.000.000			69.000.000	Loại 1
1		Phòng Nông nghiệp và PTNT	Cái	1	48.500.000	NS huyện hỗ trợ	34.500.000	34.500.000	
2		Xã Tạ An Khương Đông	Cái	1	48.500.000	NS xã	34.500.000	34.500.000	Loại 1
II	Máy tính xách tay		Cái	16	219.000.000			214.000.000	Loại 2
1		Phòng Nông nghiệp và PTNT	Cái	1	13.000.000	NS huyện hỗ trợ	13.375.000	13.375.000	
2		Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Cái	1	13.900.000	NS huyện hỗ trợ	13.375.000	13.375.000	
3		Trung tâm văn hóa và thể thao	Cái	1	13.900.000	Kinh phí tự chủ	13.375.000	13.375.000	
4		Hội Nông dân	Cái	1	13.000.000	NS huyện hỗ trợ	13.375.000	13.375.000	
5		Thanh tra	Cái	2	27.800.000	Kinh phí tự chủ	13.375.000	26.750.000	
6		Xã Nguyễn Huân	Cái	2	27.800.000	NS huyện hỗ trợ	13.375.000	26.750.000	
7		Xã Ngọc Chánh	Cái	2	27.800.000	NS xã	13.375.000	26.750.000	
8		Xã Tân Thuận	Cái	2	27.800.000	NS huyện hỗ trợ	13.375.000	26.750.000	
9		Thanh Tùng	Cái	2	27.000.000	NS huyện hỗ trợ	13.375.000	26.750.000	
10		Tân Dân	Cái	2	27.000.000	NS huyện hỗ trợ	13.375.000	26.750.000	
III	Máy tính để bàn				193.840.000			173.723.000	
a	Loại 1			14	129.890.000			119.658.000	
1		Tân Dân	Bộ	2	17.000.000	NS xã	8.547.000	17.094.000	
2		Thanh Tùng	Bộ	2	18.700.000	NS xã	8.547.000	17.094.000	

STT	Tên đơn vị	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Dự toán (đồng)	Nguồn KP mua sắm	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
3	Tạ An Khương Đông		Bộ	2	18.700.000	NS xã	8.547.000	17.094.000	
4	Ngọc Chánh		Bộ	2	18.700.000	NS xã	8.547.000	17.094.000	
5	Nguyễn Huân		Bộ	2	18.700.000	NS huyện hỗ trợ	8.547.000	17.094.000	
6	Phòng Tài nguyên - MT		Bộ	1	10.000.000	NS huyện hỗ trợ	8.547.000	8.547.000	
7	Hội Liên hiệp phụ nữ		Bộ	2	18.700.000	Kinh phí tự chủ	8.547.000	17.094.000	
8	Phòng Nông nghiệp và PTNT		Bộ	1	9.390.000	NS huyện hỗ trợ	8.547.000	8.547.000	
b	loại 3			5	63.950.000			54.065.000	
1	Tạ An Khương Nam		Bộ	2	25.580.000	NS xã	10.813.000	21.626.000	
2	Tân Đức		Bộ	2	25.580.000	NS huyện hỗ trợ	10.813.000	21.626.000	
3	Phòng Tài chính - KH		Bộ	1	12.790.000	NS huyện hỗ trợ	10.813.000	10.813.000	
B	NGÀNH GIÁO DỤC				2.199.640.000			1.369.485.618	
I	Máy tính photocopy			1	48.500.000			34.500.000	
	THCS Quách Văn Phẩm		Cái	1	48.500.000	Nguồn thu học phí năm học 2018 - 2019 của đơn vị	34.500.000	34.500.000	Loại 1
II	Máy tính xách tay			5	77.450.000			71.325.000	
1	Mẫu giáo Tân Duyệt		Cái	1	15.490.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán	14.265.000	14.265.000	Loại 1
2	Tiểu học Tân Dân		Cái	1	15.490.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán	14.265.000	14.265.000	Loại 1
3	Tiểu học Bền Bào		Cái	1	15.490.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán	14.265.000	14.265.000	Loại 1
4	THCS Tân Tiến		Cái	1	15.490.000	Nguồn thu học phí năm học 2018 - 2019 của đơn vị	14.265.000	14.265.000	Loại 1
5	THCS Quách Văn Phẩm		Cái	1	15.490.000	Nguồn thu học phí năm học 2018 - 2019 của đơn vị	14.265.000	14.265.000	Loại 1
III	Máy tính để bàn			51	489.090.000			442.695.000	
1	Tiểu học Tân Phước		Bộ	11	103.290.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán	8.547.000	94.017.000	Loại 1

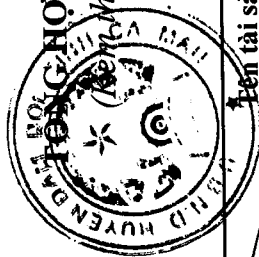
STT	Tên đơn vị	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Dự toán (đồng)	Nguồn KP mua sắm	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
2	Tiểu học An Lập		Bộ	11	103.290.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán	8.547.000	94.017.000	Loại 1
3	Tiểu học Thành Điền		Bộ	11	103.290.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán	8.547.000	94.017.000	Loại 1
4	Tiểu học Tân Thới		Bộ	15	140.850.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán	8.547.000	128.205.000	Loại 1
5	THCS Tân Tiến		Bộ	3	38.370.000	Nguồn thu học phí năm học 2018 - 2019 của đơn vị	10.813.000	32.439.000	Loại 3
IV	Bàn, ghế học sinh			507	1.584.600.000			820.965.618	
a	Khởi MG-MN			186	520.800.000			278.989.770	
1	Mẫu giáo Tân Tiến		Bộ	106	296.800.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán	1.499.945	158.994.170	
2	Mẫu giáo Tân Duyệt		Bộ	80	224.000.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán	1.499.945	119.995.600	
b	Khởi Tiểu học			138	441.600.000			232.762.944	
1	Tiểu học Tân Phước		Bộ	37	118.400.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán	1.686.688	62.407.456	
2	Tiểu học An Lập		Bộ	38	121.600.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán	1.686.688	64.094.144	
3	Tiểu học Thành Điền		Bộ	37	118.400.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán	1.686.688	62.407.456	
4	Tiểu học Tân Thới		Bộ	26	83.200.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán	1.686.688	43.853.888	
c	Khởi THCS			183	622.200.000			309.212.904	
1	THCS Tạ An Khương		Bộ	58	197.200.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán	1.689.688	98.001.904	
2	THCS Dương Thị Cẩm Vân		Bộ	67	227.800.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán	1.689.688	113.209.096	
3	THCS Tân Dân		Bộ	58	197.200.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán	1.689.688	98.001.904	
	TỔNG CỘNG				2.709.480.000			1.826.208.618	

HỢP DỰ TOÁN MUA SẴM TÀI SẢN THEO PHƯƠNG THỨC TẬP TRUNG NĂM 2020

/9/2021 của UBND huyện Đầm Dơi)

/BC-UBND ngày 27

theo Báo cáo số: 4316



Đơn vị tính: đồng

STT	Tên đơn vị	Mã tài sản	Nhãn hiệu/Loại máy	Đơn vị tính	Số lượng	Dự toán được duyệt	Kết quả thực hiện mua sắm		Nguồn kinh phí mua sắm tài sản
							Đơn giá	Thành tiền	
A	CÁC NGÀNH HUYỆN					143.000.000		113.292.000	
I	Máy photocopy			Cái	2	95.000.000		71.800.000	
1	Phòng Dân tộc huyện		HP LaserJet MFP M72630dn	Cái	1	45.000.000	35.900.000	35.900.000	Nguồn dự phòng ngân sách huyện năm 2020
2	Thanh tra huyện		HP LaserJet MFP M72630dn	Cái	1	50.000.000	35.900.000	35.900.000	Nguồn dự phòng ngân sách huyện năm 2020
II	Máy vi tính xách tay			Cái	1	15.000.000		14.366.000	
	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện		Aus P2540FB-GQ0377T	Cái	1	15.000.000	14.366.000	14.366.000	Nguồn dự phòng ngân sách huyện năm 2020
III	Máy vi tính để bàn					33.000.000		27.126.000	
	Văn phòng HĐND-UBND huyện		FPT Elead T8100c	Bộ	3	33.000.000	9.042.000	27.126.000	Nguồn dự phòng ngân sách huyện năm 2020
B	NGÀNH GIÁO DỤC					254.630.000		251.896.000	
I	Máy tính photocopy				1	45.000.000		35.900.000	
	Tiểu học Phan Ngọc Hiển		HP LaserJet MFP M72630dn	Máy	1	45.000.000	35.900.000	35.900.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán
II	Máy tính xách tay				10	132.900.000		143.660.000	
1	Tiểu học Phan Ngọc Hiển		Aus P2540FB-GQ0377T	Máy	1	15.000.000	14.366.000	14.366.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán
2	THCS Thanh Tùng		Aus P2540FB-GQ0377T	Máy	2	30.000.000	14.366.000	28.732.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán
3	Mầm non Chà Là		Aus P2540FB-GQ0377T	Máy	1	13.900.000	14.366.000	14.366.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán

STT	Tên tài sản		Nhãn hiệu/Loại máy	Đơn vị tính	Số lượng	Dự toán được duyệt	Kết quả thực hiện mua sắm		Nguồn kinh phí mua sắm tài sản
	Tên đơn vị						Đơn giá	Thành tiền	
4	THCS Dương Thị Cẩm Vân		Aus P2540FB-GQ0377T	Máy	4	44.000.000	14.366.000	57.464.000	Nguồn thu học phí năm học 2019 - 2020 của đơn vị
5	Tiểu học Long Hòa		Aus P2540FB-GQ0377T	Máy	1	15.000.000	14.366.000	14.366.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán
6	Phòng Giáo dục và Đào tạo		Aus P2540FB-GQ0377T	Máy	1	15.000.000	14.366.000	14.366.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán
III	Máy tính để bàn				8	76.730.000		72.336.000	
1	THCS Thanh Tùng		FPT Elead T8100c	Bộ	1	11.000.000	9.042.000	9.042.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán
2	THCS Quách Văn Phẩm		FPT Elead T8100c	Bộ	7	65.730.000	9.042.000	63.294.000	Nguồn thu học phí năm học 2019 - 2020 của đơn vị
	Tổng cộng (A+B)					397.630.000		365.188.000	

HỢP DỰ TOÁN MUA SẮM TÀI SẢN THEO PHƯƠNG THỨC TRUNG NĂM 2021

Theo Báo cáo số: 13/6 /BC-UBND ngày 27/09/2021 của UBND huyện Đầm Dơi)



Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Tên đơn vị	Tên tài sản	Nhãn hiệu/loại máy	Đơn vị tính	Số lượng	Dự toán được duyệt	Kết quả thực hiện		Nguồn kinh phí mua sắm tài sản
							Đơn giá	Thành tiền	
I	Máy tính photocopy				4	194.000.000		147.600.000	
1	Phòng Nội vụ huyện		HP LaserJet MFP M72630dn	Cái	1	48.500.000	36.900.000	36.900.000	Nguồn dự phòng quản lý hành chính NS huyện 2021
2	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện		HP LaserJet MFP M72630dn	Cái	1	48.500.000	36.900.000	36.900.000	Nguồn dự phòng quản lý hành chính NS huyện 2021
3	Phòng Giáo dục và Đào tạo		HP LaserJet MFP M72630dn	Cái	1	48.500.000	36.900.000	36.900.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán
4	Ủy ban nhân dân xã Thanh Tùng		HP LaserJet MFP M72630dn	Cái	1	48.500.000	36.900.000	36.900.000	Nguồn ngân sách xã năm 2021
II	Máy tính xách tay					193.780.000		194.480.000	
1	Văn Phòng HĐND-UBND huyện		Asus B1500CEAE-BR0665T	Cái	3	44.970.000	14.960.000	44.880.000	Nguồn dự phòng quản lý hành chính NS huyện 2021
2	Phòng tư pháp huyện		Asus B1500CEAE-BR0665T	Cái	1	13.900.000	14.960.000	14.960.000	Nguồn dự phòng quản lý hành chính NS huyện 2021
3	Phòng Dân tộc huyện		Asus B1500CEAE-BR0665T	Cái	1	14.990.000	14.960.000	14.960.000	Nguồn dự phòng quản lý hành chính NS huyện 2021
4	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện		Asus B1500CEAE-BR0665T	Cái	1	14.990.000	14.960.000	14.960.000	Nguồn dự phòng quản lý hành chính NS huyện 2021
5	Trường Mẫu giáo Ngọc Chánh		Asus B1500CEAE-BR0665T	Cái	1	14.990.000	14.960.000	14.960.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị giao trong dự toán 2021

STT	Tên tài sản		Đơn vị tính	Số lượng	Dự toán được duyệt	Kết quả thực hiện		Nguồn kinh phí mua sắm tài sản
	Tên đơn vị	Nhãn hiệu/loại máy				Đơn giá	Thành tiền	
6	Trường Mầm non Cái Keo	Asus B1500CEAE-BR0665T	Cái	1	14.990.000	14.960.000	14.960.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị tự cân đối trong dự toán 2021
7	Trường Tiểu học Tân Dân	Asus B1500CEAE-BR0665T	Cái	1	14.990.000	14.960.000	14.960.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị tự cân đối trong dự toán 2021
8	Trường Tiểu học An Lập	Asus B1500CEAE-BR0665T	Cái	1	14.990.000	14.960.000	14.960.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị tự cân đối trong dự toán 2021
9	Trường Tiểu học Chà Là	Asus B1500CEAE-BR0665T	Cái	1	14.990.000	14.960.000	14.960.000	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị tự cân đối trong dự toán 2021
10	Trường THCS Quách Phẩm Bắc	Asus B1500CEAE-BR0665T	Cái	2	29.980.000	14.960.000	29.920.000	Nguồn vốn thu học phí năm học 2020 - 2021 của đơn vị
IV	Máy tính để bàn			6	142.920.000		136.216.080	
1	Văn Phòng HEND-UBND huyện	FPT Elead CM 120-10100i	Bộ	4	37.560.000	9.729.720	38.918.880	Nguồn dự phòng quản lý hành chính NS huyện 2021
2	Phòng Nội vụ huyện	FPT Elead CM 120-10100i	Bộ	1	9.390.000	9.729.720	9.729.720	Nguồn dự phòng quản lý hành chính NS huyện 2021
3	Trung tâm Chính trị huyện	FPT Elead CM 120-10100i	Bộ	1	9.390.000	9.729.720	9.729.720	Nguồn dự phòng quản lý hành chính NS huyện 2021
4	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện	FPT Elead CM 120-10100i	Bộ	1	9.390.000	9.729.720	9.729.720	Nguồn dự phòng quản lý hành chính NS huyện 2021
5	Hội Nông dân huyện	FPT Elead CM 120-10100i	Bộ	1	9.390.000	9.729.720	9.729.720	Nguồn dự phòng quản lý hành chính NS huyện 2021
6	Trường Tiểu học Tân Tiến	FPT Elead CM 120-10100i	Bộ	2	22.600.000	9.729.720	19.459.440	Sự nghiệp Giáo dục của đơn vị tự cân đối trong dự toán 2021
7	Trường THCS Quách Phẩm Văn	FPT Elead CM 120-10100i	Bộ	4	45.200.000	9.729.720	38.918.880	Nguồn vốn thu học phí năm học 2020 - 2021 của đơn vị
TỔNG CỘNG							478.296.080	